

Bản án số: 556/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01/10/2018

V/v: “Ly hôn, chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2012/TLST-HNGĐ, ngày 03/5/2012 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2006/2018/QĐXXST- HN ngày 07/9/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1968

Nơi cư trú: 101/1 ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Nơi cư trú: 101/1 ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1942 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 20/1 ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1935

Nơi cư trú: ấp QH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông Huỳnh Văn B ủy quyền cho ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: 23/1 ấp QH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1985 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

4. Ông Lê Văn L, sinh năm 1967

Nơi cư trú: ấp QL, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968

Nơi cư trú: ấp QĐ, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

6. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1944

Nơi cư trú: 132/3 ấp QĐ, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

7. Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh huyện P

Do ông Huỳnh Hiếu T, chức vụ: Giám đốc - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện P, tỉnh Bến Tre đại diện (vắng mặt)

8. Ủy ban nhân dân xã HL, huyện P;

Đại diện theo pháp luật bà Bùi Thị Q – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

9. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo pháp luật ông Đào Công T – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bến Tre (xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn H thành hôn với nhau vào năm 1998 và đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện P. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: không có.

- Về phân tài sản chung: Năm 1999 bà và ông Nguyễn Văn H nhờ ông Huỳnh Văn B là cha ruột của bà vay 7.000.000 đồng để mua 01 con trâu, từ năm 1999 đến 2008 được 08 con trâu, gồm 01 con trâu mẹ và 07 con trâu con; ông H tự bán 08 con trâu này mà không cho bà biết, theo ông H nói lại là tiền bán trâu được 80.000.000 đồng, số tiền này ông H quản lý hết, bà yêu cầu ông Nguyễn Văn H chia tiền bán trâu cho bà là 50.000.000 đồng.

Đối với phần đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc cha mẹ chồng cho hai vợ chồng, trước đây khi khởi kiện bà yêu cầu ông H phải chia cho bà giá trị của ½ diện tích đất là 50.000.000 đồng, ông H được quản lý, sử dụng đất. Nay bà xin rút toàn bộ yêu cầu chia giá trị phần đất đối với phần đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre đối với ông Nguyễn Văn H.

- Về nợ chung:

+ Năm 2010 bà có mượn 3.500.000 đồng của bà Nguyễn Thị L để mua thuốc trị bệnh cho trâu, sau ông H mượn tiếp 3.000.000 đồng để trị bệnh cho trâu, số tiền thiếu bà L tổng cộng là 6.500.000 đồng.

+ Năm 2009 bà và ông Nguyễn Văn H có mượn của ông Lê Văn L 8.000.000 đồng để mua heo con nuôi.

+ Năm 2007 khi nuôi heo bà và ông H có mua thức ăn gia súc của ông Hồ Văn T 2.000.000 đồng.

+ Năm 2011 bà và ông H có thuê anh Trần Văn T bơm cát nên chuồng trâu số tiền 1.700.000 đồng.

+ Năm 1999 bà và ông H nhờ cha bà là ông Huỳnh Văn B vay 7.000.000 đồng để mua trâu, đến 2003 nhờ ông B vay thêm 7.000.000 đồng, ông B trả nợ Ngân hàng và đóng lãi phần vay dùm là 3.000.000 đồng; Tổng cộng số tiền còn thiếu ông Huỳnh Văn B là 17.000.000 đồng.

+ Năm 2009 bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thanh Phú số tiền 12.000.000 đồng, đến năm 2010 vay tiếp 4.000.000 đồng; tổng cộng nợ Ngân hàng 16.000.000 đồng.

Các cả các khoản nợ trên hiện nay chưa trả, bà yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cùng bà liên đới trả số nợ chung đối với số tiền Hồ Văn T 2.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L 6.500.000 đồng; ông Huỳnh Văn B 17.000.000 đồng; ông Lê Văn L 8.000.000 đồng; ông Trần Văn T 1.700.000 đồng;

Riêng đối với phần nợ Ngân hàng chính sách 16.000.000 đồng, do đây là số tiền bà tự vay, hiện nay bà đã trả xong 16.000.000 đồng cho Ngân hàng, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông H phải trả lại phần tiền vay Ngân hàng cho bà.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn như bà Huỳnh Thị L trình bày là đúng, do mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra gay gắt nên không thể hàn gắn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay, nên về hôn nhân ông đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị L.

- Về con chung: không có.

- Về phần tài sản chung: Đối với phần đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre là của cha mẹ ông cho ông trước khi ông cưới bà L, bà L yêu cầu chia giá trị đất ông không đồng ý; Nay bà Huỳnh Thị L rút yêu cầu chia giá trị phần đất có diện tích 1.775 m² nên ông không yêu cầu xem xét.

- Năm 1999 ông và bà Huỳnh Thị L có mượn ông Huỳnh Văn B là cha ruột là Liễu 4.800.000 đồng để mua trâu nuôi, chứ không phải 7.000.000 đồng như bà L trình bày, sau đó ông đã bán 01 con trâu và đã đưa cho bà L trả nợ cho ông B, như vậy tiền mượn của ông B đã trả xong. Sau đó khi hai vợ chồng ly thân ông bán 08 con trâu được 80.000.000 đồng nhưng ông đã trả nợ cho Ngân hàng 35.000.000 đồng, mua vàng trả cho bà Nguyễn Thị Bé Liếp 15.000.000 đồng để chuộc lại đất. Số tiền còn lại ông đang quản lý là 30.000.000 đồng, đây là tiền công sức của ông nuôi trâu nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L. Ngoài ra, ông còn bán 02 con trâu để đưa tiền cho bà L mua xe cho bà L

và mua xe cho con riêng của bà L, tổng cộng là 21.000.000 đồng, riêng phần này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông đồng ý cùng bà L trả cho ông Trần Văn T 1.700.000 đồng tiền bơm cát, mỗi người trả 850.000 đồng; Còn các khoản nợ của các ông (bà) Hồ Văn T 2.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L 12.500.000 đồng; ông Lê Văn L 8.000.000 đồng; ông Huỳnh Văn B 17.000.000 đồng là do bà Huỳnh Thị L tự thiếu nợ, bà L vay, mượn tiền làm gì không không hay biết nên ông không đồng ý cùng bà L phải trả nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Bùi Thị B đề nghị xét xử vắng mặt nhưng quá trình tố tụng có trình bày:* Trước đây bà có cho ông Nguyễn Văn H mượn phần đất 1.775 m² để canh tác sinh sống. Năm 1996 ông Nguyễn Văn H kết hôn với bà Huỳnh Thị L gia đình bà không đồng ý nhưng ông H, bà L tự đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà L, thấy con đời sống khó khăn nên bà vẫn để cho ông H tiếp tục mượn đất để canh tác sinh sống. Năm 2004 ông H, bà L tự kê khai, đăng ký phần đất mượn này không có sự đồng ý của bà. Do ông H, bà L ly hôn nên bà yêu cầu ông H, bà L phải trả lại phần đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre cho bà. Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00410/QSDĐ/2230/QĐUB (H) ngày 03/12/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H.

Ngày 15/6/2018 bà Bùi Thị B có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do già, sức khỏe yếu đi lại khó khăn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:* Vào tháng 4/2010 vợ chồng của bà L, ông H có hỏi mượn tiền của bà để trả nợ lãi Ngân hàng, bà L và ông H đều có trực tiếp nhận tiền, ông H nhận vào ngày 17/01/2011 với số tiền 3.000.000 đồng, lần sau bà L nhận 3.500.000 đồng; tổng số tiền bà L ông H còn thiếu là 6.500.000 đồng. Nay bà L ông H ly hôn bà yêu cầu bà L, ông H liên đới trả số tiền 6.500.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày:* Vào tháng 4/2009 ông có cho bà L mượn tiền 02 lần với số tiền 8.000.000 đồng, khi ông cho bà L mượn tiền ông H biết việc mượn tiền, còn khi bà L mượn tiền về làm gì thì ông không biết. Nay bà L ông H ly hôn ông yêu cầu bà L, ông H liên đới trả số tiền 8.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn T trình bày:* Năm 2007 ông có bán thức ăn gia súc nuôi heo cho bà Huỳnh Thị L, thỏa thuận khi bán heo sẽ trả tiền thức ăn, nhưng sau đó bà L không trả tiền, số tiền bà L còn thiếu là 2.000.000 đồng, khi ông bán thức ăn gia súc bà L, ông H vẫn còn chung sống với nhau nên ông H cũng phải có trách nhiệm trả nợ cho ông. Nay bà L ông H ly hôn ông yêu cầu bà L, ông H liên đới trả số tiền 2.000.000 đồng tiền thức ăn gia súc không yêu cầu tính lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng quá trình tố tụng trình bày:* Năm 2011 ông có bơm cát để làm chuồng trâu cho ông H, bà L với số tiền là 1.700.000 đồng nhưng đến nay chưa trả. Nay bà L ông H ly hôn ông yêu cầu bà L, ông H liên đới trả số tiền 1.700.000 đồng tiền bơm cát không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn B, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn B trình bày: Vào năm 1999 ông Huỳnh Văn B có vay dùm cho ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L số tiền 7.000.000 đồng; Năm 2003 vay dùm tiếp số tiền 7.000.000 đồng ông H, bà L có trả lãi được một thời gian sau đó không trả lãi nữa, tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng, ông B đã đóng lãi đối với hai phần vay trên là 3.000.000 đồng. Nay bà L, ông H ly hôn ông Huỳnh Văn B yêu cầu bà L, ông H liên đới trả số tiền 17.000.000 đồng.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Bến Tre – Phòng giao dịch huyện Thạnh Phú có văn bản số 18/CV-PGD ngày 09/5/2012 có nội dung như sau:

Hiện có vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thạnh Phú có cho chị Huỳnh Thị L vay số tiền 16.000.000 đồng, thời gian vay như sau: ngày 17/4/2008 vay 12.000.000 đồng, ngày 19/3/2010 vay 4.000.000 đồng. Ngân hàng có ý kiến chị Huỳnh Thị L là người đứng đơn vay và trực tiếp nhận tiền vay. Do vậy Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thạnh Phú yêu cầu chị Liễu có trách nhiệm trả số tiền vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P có văn bản số 1388/UBND-NC ngày 26/6/2018 do ông Đào Công T đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P có nội dung như sau:

Ủy ban nhân dân huyện có văn bản nêu ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H năm 2004, diện tích 1.031 m², thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Qua thẩm tra, xác minh hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Văn H còn thiếu Biên bản công khai niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi; Biên bản kết thúc công khai niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi. Do thiếu hai biên bản trên, Ủy ban nhân dân huyện không thể khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H năm 2004 là đúng quy trình hay không.

Nhận thấy nội dung sự việc đã rõ, Ủy ban nhân dân huyện gửi văn bản nêu ý kiến và hồ sơ chứng minh đến Tòa án, Đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân huyện xem xét cho ủy ban nhân dân huyện được vắng mặt trong các giai đoạn hòa giải, đối chất và xét xử tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã HL, huyện P có văn bản số 280/BC-UBND ngày 06/7/2018 do bà Bùi Thị Q đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã HL có nội dung như sau:

Xã HL được tiến hành đo đạc chính quy vào năm 2003, vào thời điểm đó tất cả các thửa đất trên địa bàn xã đều được lập danh sách xét duyệt và thông qua Hội đồng xét duyệt của xã. Đến năm 2004, tất cả các thửa đất đều sử dụng ổn định, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H cũng được thông qua Hội đồng xét duyệt của xã và được biểu quyết tán thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H đảm bảo đúng quy định.

Tại biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 06/8/2013 của Hội đồng định giá huyện Thạnh Phú thể hiện đất tranh chấp thuộc thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre, có tổng giá trị là 47.136.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L với ông Nguyễn Văn H;

+ Về con chung: không có, nên không đề cập;

+ Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L buộc ông Nguyễn Văn H phải chia $\frac{1}{2}$ tiền bán trâu còn lại cho bà L 15.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về yêu cầu chia 50.000.000 đồng giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Về nợ chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Hồ Văn T 2.000.000 đồng tiền mua thức ăn gia súc; bà Nguyễn Thị L 6.500.000 đồng tiền vay; ông Huỳnh Văn B 17.000.000 đồng tiền vay; ông Lê Văn L 8.000.000 đồng tiền vay. Đối với tiền bơm cát nên buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T 1.700.000 đồng; Riêng đối với phần nợ Ngân hàng chính sách 16.000.000 đồng, hiện nay bà L đã trả xong, bà L không yêu cầu ông H phải trả lại phần nợ vay này nên không đề cập.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L phải trả lại cho bà phần đất có diện tích 1.775 m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L thì vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”; Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp Quý Thuận B, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B, ông Trần Văn T, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Phú có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện Thanh Phú, Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi vắng mặt đến lần thứ hai, Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 1998, đến ngày 17/01/2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân giữa bà L và ông H được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ; quá trình chung sống giữa bà L và ông H xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được bà L yêu cầu ly hôn được ông H đồng ý; Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L với ông Nguyễn Văn H là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: bà Huỳnh Thị L với ông Nguyễn Văn H không có con chung, nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị L và bị đơn ông Nguyễn Văn H thống nhất và thừa nhận tiền ông Nguyễn Văn H bán 08 con trâu là 80.000.000 đồng, đã trả nợ cho Ngân hàng 35.000.000 đồng, mua vàng trả cho bà Nguyễn Thị Bé Liếp 15.000.000 đồng. Số tiền còn là 30.000.000 đồng hiện nay ông H đang quản lý. Khi khởi kiện bà L yêu cầu ông H phải chia cho bà 50.000.000 đồng tiền bán trâu, tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H chia cho bà $\frac{1}{2}$ số tiền bán trâu còn lại là 30.000.000 đồng mỗi người 15.000.000 đồng; Ông H không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L, cho rằng đây là tiền công sức của ông nuôi trâu nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L. Hội đồng xét xử nhận định, số tiền bán trâu được bà L, ông H thừa nhận còn lại 30.000.000 đồng, đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ông H cho rằng bà L không có công sức trong việc nuôi trâu nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, nên chấp nhận yêu cầu của bà L chia tài sản chung, ông H được hưởng 15.000.000 đồng bà L được hưởng 15.000.000 đồng.

[5] Bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải chia cho bà số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ngày 01/6/2018 (BL 343) bà L đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu và tại phiên tòa bà L vẫn giữ quan điểm rút toàn bộ yêu cầu chia giá trị tài sản chung quyền sử dụng đất với số tiền 50.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của bà Huỳnh Thị L là hoàn toàn tự nguyện và theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về yêu cầu chia 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) giá trị quyền sử dụng đất.

[6] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L phải trả lại cho bà phần đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre cho bà; yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00410 QSDĐ/2230/QĐUB (H) ngày 03/12/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H. Ngày 15/6/2018 bà Bùi Thị B có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập (BL 333) và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do già, sức khỏe yếu đi lại khó khăn (BL 334). Xét việc rút yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị B là hoàn toàn tự nguyện và theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B; Bà Bùi Thị B có quyền khởi kiện lại bằng một vụ kiện khác theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về nợ chung: Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Văn T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền thức ăn gia súc; bà Nguyễn Thị L 6.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền vay; ông Huỳnh Văn B 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) tiền vay; ông Lê Văn L 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tiền vay; ông Trần Văn T 1.700.000 đồng (Một triệu, bảy trăm ngàn đồng) tiền bơm cát.

Hội đồng xét xử thấy rằng, khi bà Huỳnh Thị L thực hiện các giao dịch như mua thức ăn gia súc để nuôi heo của ông Hồ Văn T, vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Văn B và ông Lê Văn L thì bà L và ông H là vợ chồng được pháp luật công nhận, tức việc Liều tham gia mua và vay tài sản được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông H; Bà L thừa nhận số tiền vay bà sử dụng vào việc phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình; ông Nguyễn Văn H cho rằng không biết, không liên quan; Tuy nhiên, ông không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh theo yêu cầu của Tòa án. Từ các căn cứ trên, xét thấy cần buộc trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Văn H cùng bà Huỳnh Thị L trả nợ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 là có căn cứ.

Riêng phần tiền 1.700.000 đồng (Một triệu, bảy trăm ngàn đồng) tiền bơm cát của ông Trần Văn T; Tại phiên tòa ông H, bà L thừa nhận ông T bơm cát trên phần đất hiện nay do ông H quản lý, sử dụng. Bà L không có quyền lợi trên phần đất này nên buộc cá nhân ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả tiền bơm cát cho ông T là phù hợp.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về chi phí do đặc, định giá nguyên đơn bà Huỳnh Thị L tự nguyện chịu đã được quyết toán xong nên không đề cập.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không đề cập xem xét.

Bà Huỳnh Thị L, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 157, 165, Điều 227, 228, Điều 235, 217, 218, 219, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 33, 59 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 26, 27 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1968 với ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 cùng cư trú tại số 100/1 ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về con chung: bà Huỳnh Thị L với ông Nguyễn Văn H không có con chung nên không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về yêu cầu ông Nguyễn Văn H chia tài sản chung là tiền bán trâu. Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ chia cho bà Huỳnh Thị L $\frac{1}{2}$ số tiền bán trâu còn lại là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); ông Nguyễn Văn H được hưởng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về yêu cầu chia 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chi phí đo đạc, định giá bà Huỳnh Thị L tự nguyện chịu đã được quyết toán xong nên không đề cập.

- Về nợ chung: Đối với phần nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạnh Phú số tiền 16.000.000 đồng, do đây là số tiền bà Huỳnh Thị L tự vay và hiện nay đã trả xong nợ; Bà L không có yêu cầu ông H phải trả lại phần nợ này nên không đề cập xem xét.

2. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L phải trả lại cho bà phần đất có diện tích 1.775 m² thửa 81, 115, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00410 QSDĐ/2230/QĐUB (H) ngày 03/12/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H. Bà Bùi Thị B có quyền khởi kiện lại bằng một vụ kiện khác theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Hồ Văn T.

Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Văn T 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền thức ăn gia súc.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) tiền vay.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn B.

Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn B 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) tiền vay.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lê Văn L.

Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn L 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tiền vay.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T 1.700.000 đồng (Một triệu, bảy trăm ngàn đồng) tiền bơm cát.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 007366 ngày 02/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

+ Án phí dân sự sơ thẩm phần tài sản chung: ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L mỗi người phải có nghĩa vụ chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Án phí dân sự về phần nợ chung: ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.675.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

+ Án phí dân sự phần nợ của ông Trần Văn T: ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) cho ông Trần Văn T theo biên lai thu số 007458 ngày 13/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 308.000 (Ba trăm lẻ tám ngàn đồng) cho ông Lê Văn L theo biên lai thu số 007448 ngày 09/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) cho ông Hồ Văn T theo biên lai thu số 007447 ngày 09/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 425.000 (Bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) cho ông Huỳnh Văn B theo biên lai thu số 007450 ngày 09/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 308.750 (Ba trăm lẻ tám ngàn, bảy trăm năm chục đồng) cho bà Nguyễn Thị L theo biên lai thu số 007449 ngày 09/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện P;
- VKSND huyện P;
- UBND xã HL.
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Văn Phương